

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương.

2. Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 254/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn Pên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quảng Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xã L, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Quảng Thị L và ông Lê P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, thị xã P theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số A ngày ..

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P đã có người phụ nữ khác bên ngoài và bỏ nhà đi đến năm 2018 mới quay về. Đến mừng 04 tết năm 2022 ông P lại tiếp tục bỏ đi cho đến nay. Bà L nhận thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Lê P

Về con chung: Bà Bà Quảng Thị L và ông Lê P có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 và Lê B, sinh ngày 13/3/2007. Bà L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê B, sinh ngày 13/3/2007 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Cháu A đã trưởng thành nên bà L không có ý kiến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Lê P tại biên bản hoà giải ngày 11 tháng 7 năm 2022:

Về điều kiện kết hôn, con chung, ông P xác nhận lời trình bày của bà L là đúng nên ông không bổ sung gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông P xác nhận năm 2014 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P cờ bạc, gây nợ nần, ông P cũng xác nhận thời gian này ông cũng đã làm nhiều việc có lỗi với vợ như cờ bạc, rượu chè, gái gú...nhưng ông xác định chỉ là chơi qua đường, chứ không bao giờ ông muốn bỏ bê gia đình, vợ chồng ông chỉ mới ly thân khoảng 06 tháng nay. Bản thân ông P đã hối lỗi, mong muốn vợ tha thứ, vợ chồng làm lại từ đầu để vợ chồng cũng nhau chăm sóc con cái.

Về con chung: Ông P xác nhận vợ chồng ông bà có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 và Lê B, sinh ngày 13/3/2007. Cháu A đã trưởng thành nên ông không có ý kiến, còn cháu B tùy theo ý kiến của cháu, cháu muốn sống với ai thì ông tôn trọng ý kiến của cháu. Ông P xác nhận hiện nay cháu B đang ở với mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kể từ buổi hoà giải ngày 11/7/2022, Toà án đã nhiều lần mời ông P đến để hoà giải nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông P.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà L. Giao con chung là Lê B, sinh ngày 13/3/2007 cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà L tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng

nuôi con. Riêng cháu Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà L phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Tòa án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Quảng Thị L và ông Lê P tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà L và ông P đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số A ngày..... Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Tòa, bà L xác định không còn tình cảm với ông P nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà L, ông P đã tự sống ly thân từ tháng 04 năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà L, ông P đoàn tụ nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông P mặc dù mong muốn vợ tha thứ nhưng lại không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mà bỏ mặc, không quan tâm đến. Điều này thể hiện ông P không có thiện chí hòa giải và không mong muốn tiếp tục chung sống với bà L nữa. Riêng bà L vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông P, bà L không đồng ý đoàn tụ với ông P. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà L, ông P đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà L với ông P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L, ông P có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 và Lê B, sinh ngày 13/3/2007. Bà L có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Lê B, sinh ngày 13/3/2007 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thực tế hiện nay cháu Phúc đang ở với bà L, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà L có căn cứ. Riêng cháu Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 đã trưởng thành, bà L không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quảng Thị L. Bà Quảng Thị L được ly hôn với ông Lê P.

2. Về con chung: Bà Quảng Thị L và ông Lê P có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 và Lê B, sinh ngày 13/3/2007. Giao con chung là Lê B, sinh ngày 13/3/2007 cho bà Quảng Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Riêng cháu Lê Thị A, sinh ngày 06/7/2002 đã đủ tuổi trưởng thành

Sau khi ly hôn, ông Lê P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Quảng Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006262 ngày 24/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà L đã nộp xong án phí .

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH:UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Văn Thị Hiền